

Số: 01 /2002/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 01 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Về việc ban hành tạm thời quy trình kỹ thuật về trồng,
chăm sóc và thu hoạch chè trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật tổ chức hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Quyết định số 18/2001/QĐ-BNN ngày 07 tháng 03 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành tiêu chuẩn ngành số 10TCN 446-2001 - Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch chè;

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 6 (khoá XIII) về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để phát triển kinh tế nông lâm nghiệp của tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại tờ trình số 2000/TT-NN ngày 10/12/2001 về việc ban hành " Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch chè trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang",

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này " Quy trình kỹ thuật về trồng, chăm sóc và thu hoạch chè trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang",

Điều 2: Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, triển khai tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3: Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận

- T.T Tỉnh ủy | Báo
- T.T HĐND tỉnh | cáo
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh
- Như Điều 3: Thực hiện
- Các Công ty chè
- CV: NLN-TC-TH
- Lưu: VT



Vũ Mạnh Thắng

QUY TRÌNH

Kỹ thuật về trồng, chăm sóc và thu hoạch chè trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo quyết định số : 01/2002/QĐ-UB
ngày 03 tháng 01 năm 2002).

Phần I- Quy định chung

Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch chè áp dụng cho toàn bộ các vườn chè; với mục tiêu thâm canh đạt năng suất cao. Quy trình này cũng là căn cứ để lập dự án đầu tư phát triển chè; lập thiết kế, dự toán trồng, chăm sóc, thâm canh chè; kiểm tra, thẩm định vay vốn trồng, chăm sóc chè trong phạm vi toàn tỉnh.

Phần II - Quy trình kỹ thuật

I/ Điều kiện sinh thái :

Tỉnh Tuyên Quang có điều kiện tự nhiên phù hợp với sinh trưởng và phát triển của cây chè; đất trồng chè phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai là:

1-Khí hậu:

- Nhiệt độ không khí trung bình hàng năm: 18 đến 23° C.
- Độ ẩm không khí trung bình hàng năm: trên 80%.
- Lượng mưa hàng năm: trên 1.200 mm.

2- Đất đai:

- Đất có tầng dày 50 cm trở lên, kết cấu tơi xốp.
- Mạch nước ngầm ở sâu dưới mặt đất từ 100 cm trở lên.
- Độ pH_{KCL} từ 4,0 đến 6,0, tỷ lệ mùn tổng số 2,0% trở lên.
- Độ dốc đồi không quá 25°.

II/ Thiết kế đồi chè.

1- Thiết kế đôi, hàng chè:

- Thiết kế từng đôi phải nằm trong thiết kế tổng thể chung toàn vùng.
- Thiết kế đồng bộ ngay từ đầu hệ thống đường; các công trình phụ trợ cây phân xani, che bóng, chắn gió; Những nơi có nguồn nước thuận lợi cần làm đập, hồ chứa nước chân đôi, bể chứa nước, hệ thống tưới nước, hố ủ phân trên đôi.
- Thiết kế hàng:
 - + Nơi đôi có độ dốc 6° trở xuống (cục bộ có thể tới 8°): Thiết kế hàng chè thẳng theo hàng dài nhất, hàng cắt xếp ở bìa lô.
 - + Nơi đôi có độ dốc trên 6° : Thiết kế hàng theo đường đồng mức, hàng cắt xếp xen kẽ.

2- Hệ thống đường:

Loại đường	Vị trí	Bề rộng mặt đường (m)	Độ dốc mặt đường (độ)	Độ nghiêng vào trong đôi (độ)	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6
1- Đường trục chính	Xuyên giữa khu chè.	5 - 6	5	-	Hai mép trồng cây. Có hệ thống rãnh thoát nước hai bên.
2- Đường liên đôi	Nối đường trục với các đôi hoặc các đôi với nhau	4 - 5	6	6	Mép ngoài trồng cây
3- Đường lên đôi	Nối đường liên đôi với đỉnh và đường vành đôi	3 - 4	8 - 10	5	Có rãnh thoát nước phía trong. Có vòng quay xe ở ngã ba. Mép ngoài trồng cây thưa.
4- Đường vành đôi	Đường vành chân đôi và cách 30 - 50 m theo sườn đôi có một đường.	3 - 4	1 - 2	6 - 7	Mép ngoài trồng cây thưa.
5- Đường lô	Cắt ngang (đôi phẳng) hay cắt chéo hàng chè (đôi dốc), cách nhau 150 - 200 m	3 - 4	10 - 12	-	Sửa theo mặt đất tự nhiên, không có rãnh thoát nước.
6- Đường chăm sóc	Trong lô chè, cách nhau 57 - 70 m, cắt ngang hay chéo hàng chè.	1,2 - 1,3	10 - 12	-	Sửa theo mặt đất tự nhiên, không có rãnh thoát nước.

3- Thiết kế hạng mục phụ trợ.

- Nơi có điều kiện, có thể trồng cây ăn quả (hoặc các loại cây có giá trị) thành đai chắn vuông góc với hướng gió chính. Cứ cách 200 đến 500 mét có một đai rộng 5 đến 10 mét, có kết cấu thoáng.

- Cú 3 đến 5 ha có một bể chìm chứa nước 3 - 5 m³ (bình quân 1 m³ nước / ha) để dùng nước cho phun thuốc trừ sâu, bệnh . Cú 2 đến 3 ha có một hố ủ phân hữu cơ tại chỗ, dung tích chứa 8 đến 10 m³/ đợt ủ.

Những nơi không có điều kiện bố trí thiết kế khu trồng chè tập trung, liên khoảnh mà chỉ có những nương chè nhỏ (của hộ gia đình) thì không nhất thiết phải có các công trình phụ trợ, mà chú ý thiết kế hàng chè đúng kỹ thuật và có đường đi thuận tiện chăm sóc.

III/ Kỹ thuật gieo trồng.

1/ Giống chè.

Trồng các giống chè đã được khảo nghiệm thích hợp trong nhiều năm ở tỉnh là:

- Vùng thấp (độ cao dưới 500m): Sử dụng giống chè Trung du lá xanh, chè PH₁.

- Vùng cao (độ cao từ 500m trở lên): Trồng chè Shan.

2/ Kỹ thuật chọn, nhân giống chè: Trồng chè bằng 2 phương pháp gieo hạt và giâm cành.

2.1- Nhân giống chè bằng phương pháp gieo hạt (giống Trung du lá xanh):

Phương pháp này dễ làm, đơn giản, giá thành thấp. Để có giống chất lượng cao, phải lựa chọn những vườn chè tốt để lấy quả giống. Chọn quả chè giống trên nương chè đang kinh doanh.

Thời vụ thu hái quả chè giống: Từ tháng 10 đến tháng 11 hàng năm, thu hái khi quả chè có vỏ quả chuyển từ màu xanh sang màu nâu xám, vỏ mỏng và khô dần, vỏ hạt có màu nâu đen bóng; tỷ lệ nảy mầm $\geq 75\%$.

Quả chè thu hái về, có thể bóc vỏ, đem gieo được ngay, nếu chưa trồng ngay phải bảo quản nơi giâm mát, không được chất đống dày quá 20 cm, thời gian bảo quản không quá 15 ngày.

2.2- Nhân giống chè bằng phương pháp giâm cành (Áp dụng đối với giống PH₁):

2.2.1- Kỹ thuật chọn, chăm sóc cây mẹ nuôi hom giống :

- Xây dựng vườn giống cây mẹ để sản xuất hom giống. Có thể áp dụng quy trình chăm sóc hợp lý vừa thu hái búp vừa nuôi cành lấy hom giống như sau :

+ Cây chè giống phải được tuyển chọn từ những cây mẹ rõ nguồn gốc, sinh trưởng phát triển tốt, thể hiện rõ các đặc trưng của giống.

+ Nuôi hom giống : Có 2 vụ để nuôi cành và cắt hom giống.

Vụ thu : Chọn lứa chính không hái để nuôi cành từ tháng 4 đến cuối tháng 5. Cắt cành lấy hom vào tháng 7 đến tháng 8.

Vụ đông xuân : Bắt đầu nuôi cành, dừng hái búp từ tháng 8 đến tháng 9, cắt cành lấy hom vào tháng 11 đến tháng 1 năm sau.

Kỹ thuật nuôi cành lấy hom giống: Trước khi để hom 15 đến 20 ngày, bón bổ sung cho mỗi gốc chè nuôi hom : Đạm urê 10 đến 12 gam ; Ka ly 10 đến 15 gam ; Supe lân 20 đến 25 gam. Thường xuyên kiểm tra, bấm tỉa những búp rìa tán, bấm bỏ búp nhỏ sinh trưởng đợt sau để tập trung dinh dưỡng nuôi hom giống.

Thường xuyên chú ý phòng trừ sâu bệnh không để ảnh hưởng đến chất lượng hom giống. Trước khi cắt cành lấy hom 10 đến 15 ngày tiến hành bấm ngọn để cành hom cứng cáp và kích thích mầm nách phát triển.

2.2.2- Chọn cành, cắt hom :

- Chọn cành khỏe, không sâu bệnh, độ dài và đường kính hom tùy thuộc từng giống chè (giống PH1 đường kính hom 4 đến 6 mm, đoạn cành dài 4 đến 6 cm).

- Dùng kéo sắc cắt hom (cành đưa về cắt và cắm ngay là tốt nhất). Chỉ cắt phần bánh tẻ có màu xanh (đối với giống chè PH1). Mỗi hom có một mầm nách nguyên vẹn dài không quá 0,5 cm. Vết cắt trên cách nách lá có mầm 0,5 cm, cắt vát theo chiều xiên của lá.

Sau khi cắt, hom được bảo quản trong môi trường mát, tránh dập nát, độ ẩm trên 85%. Thời gian bảo quản không quá 4 đến 5 ngày.

2.2.3- Vườn ươm chè giâm cành:

a- Xây dựng vườn ươm :

- Chọn vị trí vườn ươm : chọn nơi đất bằng hoặc hơi thoải, thông thoáng gần nguồn nước tưới, mạch nước ngầm sâu dưới 1m, gần khu trồng mới chè, tiện đường giao thông vận chuyển.

- Xung quanh đào hệ thống mương tiêu nước;

- Thiết kế thành từng luống, theo hướng đông - tây. Mặt luống rộng 1,0 đến 1,2m; Cao 15 đến 20 cm ; Dài không quá 20m. Rãnh giữa các luống rộng 40 cm để tiện đi lại chăm sóc.

- Làm giàn che : Khung giàn làm bằng tre cao 1,8 đến 2,0m, vững chắc, tránh bị đổ khi mưa gió. Hệ thống phen che tốt nhất là bằng phen nửa (có thể dùng cỏ tranh, lá mía ...) được thiết kế thành từng tấm, rộng 0,8 đến 1,0m, dài 3,5 đến 4,0m, thuận tiện cho việc điều chỉnh ánh sáng. Xung quanh vườn phải được che kín, tránh gió.

b- Đóng bầu, xếp luống, cắm hom :

- Dùng loại túi bầu Polyetylen có kích thước dài 18 cm, rộng 12 cm. Đáy túi có đục 4-6 lỗ thoát nước.

- Đất nhồi vào túi bầu phải được chọn lọc kỹ: gạt bỏ tầng mặt từ 10-20cm, chỉ lấy phần đất cái đỏ (hoặc vàng), đập nhỏ. Nửa đáy túi bầu nhồi đất trộn với phân chuồng hoai mục (tỷ lệ 50%), nửa trên nhồi đất đỏ vàng (không có phân, tránh nấm xâm nhập gây hại qua vết cắt của hom).

- Các túi bầu được xếp đứng, xít kín mặt luống, xung quanh có khung giữ.

- Cắm hom: Trước khi cắm hom chè, toàn bộ bầu đất được tưới ẩm nước từ trên mặt đến tận đáy, có độ ẩm trong đất là 80 đến 85%. Hom chè cắm thẳng đứng, lá xuôi theo chiều gió, mặt lá cách mặt đất 1 cm. Sau khi cắm hom chè xong cần tưới ẩm ngay.

c- Quản lý và chăm sóc vườn ươm :

• *Tưới nước*

- 15 ngày đầu mỗi ngày tưới 2 lần (sáng và chiều tối), tưới bằng bình phun thuốc trừ sâu, bảo đảm độ ẩm 70 đến 80%.

- Từ ngày thứ 16 đến ngày thứ 30 tưới bằng bình bơm hoặc ô doa, 2 ngày 1 lần, độ ẩm yêu cầu 70 đến 80%.

- Từ ngày thứ 31 đến ngày thứ 60 : 3 ngày tưới 1 lần bằng ô doa, độ ẩm yêu cầu 70 đến 80%.

- Từ ngày thứ 61 đến ngày thứ 90 : 5 ngày tưới 1 lần bằng ô doa, độ ẩm yêu cầu 70 đến 80%.

- Từ ngày thứ 91 đến ngày thứ 120 : 6 ngày tưới 1 lần bằng ô doa, độ ẩm yêu cầu 70 đến 80%.

- Từ sau ngày 120 : 10-15 ngày tưới 1 lần bằng ô doa, độ ẩm yêu cầu 70 đến 75%.

• *Điều chỉnh ánh sáng :*

Vụ đông xuân :

- Trong 60 ngày đầu : Những ngày trời râm mát mở giàn che 1/2.

- Từ ngày thứ 61 đến ngày thứ 90 : Mở giàn che rãnh luống;

- Từ ngày thứ 91 đến ngày thứ 150 : Mở 1/3 giàn che;

- Từ ngày thứ 151 đến ngày thứ 180 : Mở 1/2 giàn che;

- Sau 180 ngày mở toàn bộ giàn che.

Vụ hè thu :

- Tháng đầu : Mở giàn che phần rãnh luống đến 7 giờ sáng đóng lại, sau 5 giờ chiều mở tiếp.

- Sau 1 đến 2 tháng : Mở giàn che phần rãnh luống đến 8 giờ đóng lại, sau 4 giờ chiều mở tiếp.

- Sau 2 đến 3 tháng : Không che rãnh, rút 1/3 giàn che;

- Sau 3 đến 4 tháng : Rút 1/2 giàn che;

- Sau 5 tháng : Mở hẳn giàn che.

• **Bón phân:** Lượng phân bón tính cho $1m^2$ xếp bầu chè: Đạm urê 30 gr, Supe lân 30gr, Kali clorua 50gr. Lượng bón từng đợt như sau:

- Sau khi cắm hom 2 tháng : Bón 5 gam urê + 4 gam supe lân + 7 gam kaly clorua/ $1m^2$ xếp bầu chè .

- Sau khi cắm hom 4 tháng : Bón 6 gam urê + 6 gam supe lân + 10 gam kaly clorua/ $1m^2$ xếp bầu chè.

- Sau khi cắm hom 6 tháng : Bón 9 gam urê + 8 gam supe lân + 11 gam kaly clorua/ $1m^2$ xếp bầu chè.

- Sau khi cắm hom 8 tháng : Bón 10 gam urê + 12 gam supe lân + 19 gam kaly clorua/ $1m^2$ xếp bầu chè.

Cách bón: hoà tan phân trong nước (nồng độ 1%) để tưới. Sau khi tưới phân, tưới rửa lá bằng nước sạch.

• **Phòng trừ sâu bệnh :**

- Trừ bệnh thối búp bằng phun Boocđô hoặc Ben lát 1%, phun 1 lít dung dịch thuốc/ $1m^2$ bầu chè.

- Chú ý phát hiện rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bọ xít muỗi... phun trừ sớm bằng Trebon, Padan...

• **Chăm sóc:**

Vườn ươm thường xuyên được nhật sạch cỏ. Qua 6 tháng đảo bầu phân loại cây kém xếp riêng để chăm sóc. Khi xuất hiện nụ hoa, vê bỏ để tập trung dinh dưỡng nuôi cây.

d- Tiêu chuẩn cây xuất vườn:

- Tuổi cây giống từ 8 đến 10 tháng tuổi; chiều cao ≥ 20 cm, nếu cao phải bấm ngọn trước khi trồng 10 đến 15 ngày; Đường kính gốc 3 đến 5mm (tùy giống), có trên 6 lá; Thân có màu xanh thẫm, đã hoá nâu từ 50% trở lên, không có nụ, bầu đất còn nguyên vẹn; cây sinh trưởng khoẻ mạnh, sạch sâu bệnh.

3/ Kỹ thuật gieo trồng:

3.1- Làm đất: (Áp dụng cho cả 2 phương pháp gieo hạt và trồng bằng chè giâm cành).

3.1.1- Làm đất: Theo cách cày sâu toàn bộ bề mặt đất từ 20 đến 25 cm, bừa san. Trường hợp không cày toàn bộ bề mặt đất được thì đào rãnh để trồng chè.

- Đào rãnh trồng chè:

+ Trồng hàng kép : Đào rạch rộng từ 70 đến 80 cm, sâu từ 40 đến 45 cm.

+ Trồng hàng đơn : Đào rạch rộng từ 50 đến 60 cm, sâu từ 40 đến 45 cm.

3.1.2- Thời vụ làm đất: Làm đất vào thời gian ít mưa để tránh xói mòn. Vào tháng 11 đến tháng 3 năm sau để kịp thời gieo cây phân xanh trước 30/3.

3.1.3- Trồng cây phân xanh, che bóng: Cây phân xanh là các loại cây có khả năng cải tạo đất, làm phân bón tăng chất dinh dưỡng cho cây chè, tốt nhất là các cây họ đậu.

- Thời vụ gieo: Từ tháng 1 đến tháng 4 hàng năm, ngay sau khi làm đất, trồng chè.

- Cách gieo: Cây hàng năm gieo giữa hàng, mật độ tùy theo loại cây, cách gốc chè ít nhất 40 cm về mỗi bên. Cây phân xanh lưu niên 2 đến 4 năm (các loại muồng, cốt khí) kiêm che bóng tạm được gieo giữa hai hàng chè.

- Cây bóng mát họ đậu, thân gỗ, tán thưa, rộng, không tranh chấp nước với cây chè về mùa đông, được trồng cùng hàng hay giữa hai hàng chè, mật độ từ 150 đến 250 cây/ha, trồng bằng cây ươm trong bầu, đảm bảo che bóng 30 đến 50 % ánh sáng mặt trời.

3.2- Thời vụ trồng:

- Thời vụ giâm cành: Từ tháng 1 đến tháng 2 và từ tháng 7 đến tháng 8.

- Thời vụ trồng bầu cây: Từ tháng 1 đến tháng 3 và từ tháng 8 đến tháng 9 khi đất đủ ẩm.

- Thời vụ trồng chè bằng hạt: Gieo hạt trực tiếp từ tháng 10 đến tháng 11 .

3.3- Kỹ thuật trồng: (Áp dụng cho cả 2 phương pháp gieo hạt và trồng bằng chè giâm cành).

Đất trồng chè phải được cày vùi phân xanh trước khi trồng ít nhất 1 tháng. Khi trồng thì bổ hố hay cày rạch sâu 20 đến 25 cm theo rãnh hàng đã được đào để trồng bầu cây.

3.3.1- Mật độ trồng: Đảm bảo mật độ trên 3 vạn cây/ha;

3.3.1.1. Trồng hàng kép:

- Nơi dốc dưới 15° : Nên trồng hàng kép, hàng cách hàng 1,4 m (tính từ giữa hàng), khoảng cách giữa 2 hàng kép là 0,5 m, trồng theo hình nanh sấu.

+ Với khoảng cách cây cách cây trong một hàng 0,45 m, một ha trồng được 31.700 cây.

+ Với khoảng cách cây cách cây trong một hàng 0,40 m, một ha trồng được 35.700 cây.

+ Với khoảng cách cây cách cây trong một hàng 0,35 m, một ha trồng được 40.800 cây.

3.3.1.2. Trồng hàng đơn: Nơi dốc trên 15° , nên trồng hàng đơn.

+ Với khoảng cách hàng cách hàng 1,3 m, cây cách cây 0,25 m; mỗi ha trồng được 30.700 cây.

+ Với khoảng cách hàng cách hàng 1,2 m, cây cách cây 0,25 m; mỗi ha trồng được 33.300 cây.

+ Với khoảng cách hàng cách hàng 1,2 m, cây cách cây 0,20 m; mỗi ha trồng được 41.600 cây.

3.3.2- Trồng cây chè:

3.3.2.1- Trồng chè bằng hạt: Mỗi hốc trồng từ 3 đến 4 hạt, vùi sâu hạt từ 3 đến 4 cm; khi trồng xong tủ một lớp rơm rạ, cỏ rác, dày trên 5 cm.

3.3.2.2- Trồng chè bằng cành giâm: Sau khi đã bóc túi bầu, đặt bầu vào hố hay rạch, lấp đất, nén đất đều xung quanh bầu, lấp phủ lớp đất tơi trên vết cắt hom 1 - 2 cm, đặt mầm cây theo một hướng xuôi chiều gió.

Trồng xong tủ cỏ, rác hai bên hàng chè. Loại cỏ, rác dùng để tủ là phân không có khả năng tái sinh.

4- Kỹ thuật chăm sóc: (Áp dụng cho cả 2 phương pháp gieo hạt và trồng bằng chè giâm cành).

4.1- Giặm cây con.

Nương chè phải được trồng giặm cây con ngay từ sau khi trồng vào những chỗ mất khoảng. Bầu cây con đem giặm có cùng tuổi cây trồng trên nương (*nương chè hạt mất khoảng trồng giặm bằng bầu chè giâm cành*).

Bón thêm phân chuồng trước trồng giặm.

Trồng giặm vào ngày râm mát, mưa nhỏ hoặc sau mưa to.

Giặm chè cần được tiến hành liên tục trong 2 đến 3 năm, đảm bảo nương chè đông đặc, đồng đều. Trồng giặm tốt nhất vào vụ Xuân (tháng 1 đến tháng 2), mưa nhỏ, đất vừa ẩm.

Đối với nương chè mất khoảng tiến hành trồng giặm cây con 14 - 16 tháng tuổi, chiều cao 35 đến 40 cm sau khi bấm ngọn. Kích thước bầu 25 x 12 cm, bầu đất được đóng với tỷ lệ 3 phần đất + 1 phần phân hữu cơ hoai mục đã được ủ với phân lân.

4.2- Bón phân. : (Áp dụng cho cả 2 phương pháp gieo hạt và trồng bằng chè giâm cành).

4.2.1- Bón lót trước khi trồng: Sau khi đào rãnh theo hàng xong bón lót trên 40 tấn phân hữu cơ / ha (quy ra phân chuồng) và 750 đến 1.200 kg phân lân /ha.

4.2.2- Bón phân cho mỗi ha chè (2 - 3 năm sau trồng) theo bảng sau:

Loại chè	Loại phân	Lượng phân (kg)	Số lần bón	Thời gian bón (vào tháng)	Phương pháp bón
1	2	3	4	5	6
Chè tuổi 1	Phân U rê	130	2	2 - 3 và 6 - 7	Trộn đều, bón sâu 6 - 8 cm, cách gốc 25 - 30 cm, lấp kín.
	Phân lân	225	1	2 - 3	
	Phân ka li	86	1	2 - 3	
Chè tuổi 2	Phân U rê	195	2	2 - 3 và 6 - 7	Trộn đều, bón sâu 6 - 8 cm, cách gốc 25 - 30 cm, lấp kín.
	Phân lân	225	1	2 - 3	
	Phân ka li	115	1	2 - 3	
Đốn tạo hình lần I (2tuổi)	Hữu cơ	20.000	1	11 - 12	Trộn đều, bón rạch sâu 15 - 20 cm, cách gốc 30 - 40 cm, lấp kín.
	Phân lân	750	1	11 - 12	
Chè tuổi 3	Phân U rê	260	2-3	2 - 3 và 6 - 8	Trộn đều, bón sâu 6 - 8 cm, cách gốc 30 - 40 cm, lấp kín.
	Phân lân	300	1	2 - 3	
	Phân ka li	170	2	2 - 3 và 6 - 7	

4.2.3- Bón phân cho mỗi ha chè kinh doanh theo bảng sau:

Loại chè	Loại phân	Lượng phân (kg)	Số lần bón	Thời gian bón (vào tháng)	Phương pháp bón
1	2	3	4	5	6
Các loại chè đang thu hoạch (3 năm 1 lần)	Hữu cơ	25.000 - 30.000	1	12 - 1	Trộn đều, bón rạch sâu 15 - 20 cm, giữa hàng, lấp kín.
	Phân lân	500	1	12 - 1	
NĂng suất búp dưới 60 tạ/ha	Phân U rê	200-250	3 - 4	2 ; 4 ; 6 ; 8	Trộn đều, bón sâu 6 - 8 cm, giữa hàng, lấp kín.
	Phân lân	80-120	1	2	
	Phân ka li	110-150	2	2 ; 4	
NĂng suất búp từ 60 đến dưới 80 tạ/ha	Phân U rê	250-370	3 - 4	2 ; 4 ; 6 ; 8	Trộn đều, bón sâu 6 - 8 cm, giữa hàng, lấp kín.
	Phân lân	300-400	1	2	
	Phân ka li	150-220	2	2 - 4	
NĂng suất búp từ 80 đến dưới 120 tạ/ha.	Phân U rê	350-450	3 - 5	1 ; 3 ; 5 ; 7 ; 9	Trộn đều, bón sâu 6 - 8 cm, giữa hàng, lấp kín.
	Phân lân	400-500	1	1	
	Phân ka li	220-300	2 - 3	1 ; 5 ; 9	
NĂng suất búp từ 120 tạ/ha trở lên	Phân U rê	450-900	3 - 5	1 ; 3 ; 5 ; 7 ; 9	Trộn đều, bón sâu 6 - 8 cm, giữa hàng, lấp kín.
	Phân lân	500-600	1	1	
	Phân ka li	300-450	2 - 3	1 ; 5 ; 9	

4.2.4- Bón phân cải tạo nương chè cũ.

Nương chè trên 25 tuổi, mất khoảng dưới 40% cần có giải pháp cải tạo nương chè cũ để có sản lượng chè búp cao, chất lượng tốt.

Đào rãnh hay hố trồng giặm rộng 40 cm, sâu 30cm, bón phân hữu cơ lượng 2,5 đến 3,0 kg/ gốc, trộn đất lấp kín trước khi giặm ít nhất 1 tháng.

Những điểm mất khoảng liên tục, tiến hành gieo cây phân xanh, bổ sung cây bóng mát như chè trồng mới.

Bón phân cho 1 ha cụ thể như sau:

Loại phân	Lượng phân (Kg)	Số lần bón	Thời gian bón (vào tháng)	Phương pháp bón
Hữu cơ	20.000 - 30.000	1	12 - 1	Trộn đều với phân lân, bón rạch sâu 15 - 20 cm, giữa hàng, lấp kín. Bón trước 1 năm đối với chè đồn đầu, đồn trẻ lại.
Phân U rê	430-650	2 - 3	2 ; 5 ; 8	Trộn đều, bón sâu 6 - 8 cm, giữa hàng, lấp kín.
Phân lân	500	1	12 - 1	
Phân ka li	300-400	2	2 ; 6	

4.3- Phòng trừ cỏ dại.

4.3.1- Đối với chè 1đến 3 năm tuổi:

Xới cỏ, đảm bảo cỏ sạch quanh năm trên hàng chè.

Riêng chè 1 tuổi cần nhổ cỏ gốc cây chè bằng tay để bảo vệ được cây chè. Giữa hàng trồng xen cây phân xanh, đậu đỗ, hoặc bừa xới sạch cỏ.

Vụ Xuân (tháng 1 đến 2) và vụ Thu (tháng 8 đến 9) xới sạch toàn bộ diện tích 1 lần/vụ.

Trong năm xới gốc 2 đến 3 lần, rộng 30 đến 40 cm về hai bên hàng chè.

4.3.2- Đối với chè đang thu hoạch:

- Vụ Đông Xuân: Xới sạch cỏ dại, hoặc cuốc sới sâu 10 cm, lấp phân hữu cơ và cành lá già sau khi đốn, nếu hạn không cày được thì xới sạch toàn bộ.

- Vụ Hè Thu: Phát hoặc xới cỏ giữa hai hàng chè.

4.4- Phòng trừ sâu, bệnh.

Phòng trừ sâu, bệnh hại chè bằng biện pháp tổng hợp, nhằm đạt sản lượng cao nhất với tác hại ít nhất trong môi trường.

Phải kiểm tra thường xuyên, phát hiện sớm sâu, bệnh để tập trung phòng trừ. Các biện pháp phòng trừ cụ thể:

- Biện pháp canh tác: Cày bừa diệt cỏ, vệ sinh nương đồi, lấp đất diệt nhộng, diệt mầm bệnh, bón phân hợp lý, thay đổi thời kỳ đốn, hái non để loại bỏ trứng sâu, mầm bệnh.

- Biện pháp sinh học, sinh thái: Trồng cây bóng mát với loại thích hợp và có mật độ đảm bảo độ ẩm trên nương chè. Hạn chế đến mức thấp nhất dùng thuốc hoá học để đảm bảo duy trì tập đoàn thiên địch có ích, cân bằng sinh thái trên nương chè.

- Biện pháp hoá học: Không phun thuốc theo định kỳ.

Phun thuốc theo điều tra dự tính, dự báo khi có sâu non hoặc khi chè mới bị bệnh.

Dùng thuốc đúng chỉ dẫn về chủng loại, liều lượng dùng đối với các đối tượng sâu, bệnh hại. Thời gian cách ly đảm bảo ít nhất 10 đến 15 ngày mới được thu hái búp chè.

4.5- Đốn chè.

4.5.1- Đốn tạo hình:

Lần 1: Khi chè 2 tuổi, đốn thân chính cách mặt đất 12 đến 15 cm, đốn cành cách mặt đất 30 đến 35 cm.

Lần 2: Khi chè 3 tuổi, đốn cành chính cách mặt đất 30 - 35 cm, đốn cành tán cách mặt đất 40 đến 45 cm.

4.5.2- Đốn phớt:

Hai năm đầu, mỗi năm đốn trên vết đốn cũ 5 cm. Sau đó mỗi năm đốn cao thêm 3 cm, khi vết đốn dưới cùng cao 70 cm so với mặt đất thì hàng năm chỉ đốn cao thêm 1 cm so vết đốn cũ.

Đối với nương chè sinh trưởng yếu, tán lá thưa mỏng, có thể áp dụng chu kỳ đốn cách năm: 1 năm đốn phớt, 1 năm đốn sửa bằng tán.

4.5.3- Đốn lửng:

Những đồi chè đã được đốn phớt nhiều năm, vết đốn cao quá 90 cm so với mặt đất, nhiều cành tăm hương, u bướu, búp nhỏ, năng suất giảm thì đốn lửng cách mặt đất 60 - 65 cm; hoặc chè cây cao quá cũng đốn lửng cách mặt đất 70 đến 75 cm.

4.5.4- Đốn đau: Những đồi chè được đốn lửng nhiều năm, cành nhiều mấu, cây sinh trưởng kém, năng suất giảm rõ rệt thì đốn đau cách mặt đất 40 đến 45 cm.

4.5.5- Đốn trẻ lại: Những nương chè già, cần cỗi đã được đốn đau nhiều lần, năng suất giảm nghiêm trọng thì đốn trẻ lại cách mặt đất 10 đến 25 cm.

4.5.6- Thời vụ đốn: Từ giữa tháng 12 đến hết tháng 1 năm sau.

- Nơi thường bị sương muối đốn muộn hơn, đốn sau đợt sương muối nặng.

- Đốn đau trước, đốn phớt sau.

- Đốn tạo hình, chèn con trước, đốn chèn trưởng thành sau.

4.5.7- Cách đốn và dụng cụ đốn:

- Đốn tạo tán có mặt bằng nghiêng theo sườn dốc, không làm dập cành, sây sát vỏ.

- Đốn đau, đốn lũng, đốn tạo hình lần đầu thì dùng dao. Đốn phớt, đốn tạo hình lần 2 thì dùng kéo hoặc dao. Đốn trẻ lại thì dùng cưa.

4.6- Tưới chè:

Nơi có điều kiện về nguồn nước, khả năng đầu tư thì tiến hành tưới cho chè khi khô hạn.

5- Thu hoạch và bảo quản.

5.1- Thu hoạch.

5.1.1- Hái tạo hình:

- Đối với chè 1 tuổi: Từ tháng 10, hái bấm ngọn những cây cao 60 cm trở lên.

- Đối với chè 2 tuổi: Hái búp trên những cây to khỏe và cách mặt đất 50 cm trở lên.

5.1.2- Hái tạo hình sau khi đốn:

- Đối với chè đốn lần 1: Đợt đầu hái cách mặt đất 40 đến 45 cm, tạo thành mặt phẳng nghiêng theo sườn dốc. Đợt 2 hái búp chừa 2 lá và lá cá.

- Đối với chè đốn lần 2: Đợt đầu hái cao hơn chè đốn lần 1 từ 25 đến 30 cm, các đợt sau hái chừa bình thường như ở chè đốn lần 1.

5.1.3- Hái chè kinh doanh:

a)- Hái búp và 2 đến 3 lá non. Khi trên tán có 30% số búp đủ tiêu chuẩn thì hái, không bỏ sót, không để quá lứa, cứ 7 đến 10 ngày hái 1 lứa.

b)- Thời vụ:

Vụ Xuân (từ tháng 3 đến tháng 4): Hái chừa 2 lá và lá cá, tạo tán bằng. Những búp vượt cao hơn mặt tán thì hái sát lá cá.

Vụ Hè Thu (từ tháng 5 đến tháng 10): Hái chừa 1 lá và lá cá, tạo tán bằng. Những búp cao hơn mặt tán thì hái sát lá cá.

Vụ Thu Đông (từ tháng 11 đến tháng 12): Tháng 11 hái chừa lá cá, tháng 12 hái cả lá cá.

5.1.4- Hái chè trên nương đốn trẻ lại, đốn đau thì tiến hành như đối với chè mới thu hoạch.

5.2- Bảo quản: Chè búp tươi thu xong phải để nơi râm mát, bỏ trong sọt không nén chặt, không đựng trong bao kín, không để héo, lẫn bẩn với vật lạ, tạp chất, thời gian từ khi hái đến khi đưa đến nơi chế biến không quá 10 giờ.

Phần III: Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp cùng UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm chỉ đạo các Công ty chè, các hộ nông dân tổ chức thực hiện việc trồng, chăm sóc, thu hoạch chè theo đúng Quy trình kỹ thuật, áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh cây chè để tăng năng suất, tăng thu nhập.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quản lý việc tổ chức sản xuất và cung ứng giống chè phục vụ cho trồng mới trong tỉnh theo đúng Quyết định số 692/QĐ-UB ngày 28/8/1997 của UBND tỉnh.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký. Những quy định trước đây của tỉnh Tuyên Quang trái với quy định này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, thường xuyên báo cáo về UBND tỉnh để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Mạnh Thắng